

Số: 3031/QĐ-NHNN

Hà Nội, ngày 22 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ
lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng thực hiện tại bộ phận Một cửa
thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

THÔNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật sửa đổi,
bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng ngày 27 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 26/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 2 năm 2025 của Chính
phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà
nước Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính
phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5
năm 2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính
phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục
hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ
trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục
hành chính;

Căn cứ Thông tư số 19/2025/TT-NHNN ngày 31 tháng 7 năm 2025 của Thống
đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về mạng lưới hoạt động của tổ chức tài chính vi
mô (sau đây gọi là Thông tư số 19/2025/TT-NHNN);

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục An toàn hệ thống các tổ chức tín dụng và
Chánh Văn phòng Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính được sửa đổi,
bổ sung, bãi bỏ lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng quy định tại Thông tư số
19/2025/TT-NHNN ngày 31 tháng 7 năm 2025 thực hiện tại bộ phận Một cửa thuộc
phạm vi chức năng quản lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2025.
Quyết định này sửa đổi, bổ sung nội dung thủ tục hành chính có mã 1.001986 và

1.007794 được công bố tại Quyết định số 2562/QĐ-NHNN ngày 11/12/2019, thủ tục hành chính có mã 1.007770 và 1.007771 được công bố tại Quyết định số 2349/QĐ-NHNN ngày 24/10/2024, bãi bỏ thủ tục hành chính có mã 1.001534 được công bố tại Quyết định số 2349/QĐ-NHNN ngày 24/10/2024.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục An toàn hệ thống các tổ chức tín dụng, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. *ad*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thông đốc (để báo cáo);
- PTĐ Phạm Tiến Dũng;
- PTĐ Đoàn Thái Sơn;
- Cục KSTTHC – VPCP (để phối hợp);
- Lưu: VP, VP2. VQHuong, ATHT4.LHHạnh. *ad*

**KT. THÔNG ĐỐC
PHÓ THÔNG ĐỐC**



Phạm Tiến Dũng

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG,
BỊ BÀI BỎ LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG THUỘC PHẠM
VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 3031/QĐ-NHNN ngày 22 tháng 8 năm 2025
của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung thay thế	Lĩnh vực	Đơn vị thực hiện
1.	1.007770	Thủ tục đề nghị chấp thuận thành lập chi nhánh, phòng giao dịch của tổ chức tài chính vi mô	Thông tư số 19/2025/TT-NHNN quy định về mạng lưới hoạt động của tổ chức tài chính vi mô	Thành lập và hoạt động ngân hàng	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
2.	1.007771	Thủ tục đề nghị chấp thuận thành lập văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của tổ chức tài chính vi mô	Thông tư số 19/2025/TT-NHNN quy định về mạng lưới hoạt động của tổ chức tài chính vi mô	Thành lập và hoạt động ngân hàng	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng)

3. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Ngân hàng Nhà nước Khu vực

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung thay thế	Lĩnh vực	Đơn vị thực hiện
1.	1.001986	Thủ tục tự nguyện chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch của tổ chức tài chính vi mô	Thông tư số 19/2025/TT-NHNN quy định về mạng lưới hoạt động của tổ chức tài chính vi mô	Thành lập và hoạt động ngân hàng	Ngân hàng Nhà nước Khu vực

2	1.007794	Thủ tục thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch của tổ chức tài chính vi mô	Thông tư số 19/2025/TT-NHNN quy định về mạng lưới hoạt động của tổ chức tài chính vi mô	Thành lập và hoạt động ngân hàng	Ngân hàng Nhà nước Khu vực
---	----------	---	---	----------------------------------	----------------------------

3. Danh mục thủ tục hành chính được bãi bỏ thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung thay thế	Lĩnh vực	Đơn vị thực hiện
	1.001534	Thủ tục thông báo thay đổi địa chỉ (không thay đổi địa điểm) đặt trụ sở của tổ chức tài chính vi mô	Thông tư số 19/2025/TT-NHNN quy định về mạng lưới hoạt động của tổ chức tài chính vi mô	Thành lập và hoạt động ngân hàng	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cơ quan Thanh tra, giám sát Ngân hàng)

12

PHẦN II

NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

A. Thủ tục hành chính thực hiện tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

1. Thủ tục đề nghị chấp thuận thành lập chi nhánh, phòng giao dịch của tổ chức tài chính vi mô (Mã TTHC 1.007770)

1.1. Trình tự thực hiện:

- **Bước 1.** Tổ chức tài chính vi mô lập 01 bộ hồ sơ gửi Ngân hàng Nhà nước.
- **Bước 2.** Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ quy định, Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi tổ chức tài chính vi mô xác nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu tổ chức tài chính vi mô bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Tổ chức tài chính vi mô bổ sung, hoàn thiện hồ sơ trong thời hạn tối đa 60 ngày kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Quá thời hạn này mà không bổ sung, hoàn thiện hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, tổ chức tài chính vi mô phải gửi lại hồ sơ theo quy định để Ngân hàng Nhà nước xem xét, chấp thuận.

- **Bước 3.**

+ Đối với đề nghị chấp thuận thành lập chi nhánh: Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh), Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi tổ chức tài chính vi mô dự kiến đặt trụ sở chi nhánh có ý kiến về sự cần thiết thành lập hoặc thành lập thêm chi nhánh của tổ chức tài chính vi mô trên địa bàn.

+ Đối với đề nghị chấp thuận thành lập phòng giao dịch: Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng có văn bản lấy ý kiến Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi tổ chức tài chính vi mô dự kiến đặt trụ sở phòng giao dịch về:

- a) Sự cần thiết thành lập hoặc thành lập thêm phòng giao dịch;
- b) Các địa bàn dự kiến mở phòng giao dịch;
- c) Việc đáp ứng các điều kiện theo quy định đối với chi nhánh dự kiến quản lý phòng giao dịch trên địa bàn.

- **Bước 4.** Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản của Ngân hàng Nhà nước, các đơn vị quy định có ý kiến tham gia bằng văn bản về các nội dung được đề nghị.

- **Bước 5.** Trong thời hạn 50 ngày (đối với trường hợp thành lập chi nhánh) hoặc 45 ngày (đối với trường hợp thành lập phòng giao dịch) kể từ ngày xác nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận đề nghị thành lập chi nhánh của tổ chức tài chính vi mô. Trường hợp không chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

1.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia hoặc Cổng Dịch vụ công Ngân hàng Nhà nước (nếu có).

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước.

- Gửi qua dịch vụ bưu chính.

1.3. Thành phần hồ sơ:

- Văn bản của tổ chức tài chính vi mô đề nghị Ngân hàng Nhà nước chấp thuận thành lập chi nhánh, phòng giao dịch của tổ chức tài chính vi mô.

- Nghị quyết hoặc Quyết định của Hội đồng thành viên về việc thành lập chi nhánh, phòng giao dịch.

- Đề án thành lập chi nhánh, phòng giao dịch, trong đó phải có tối thiểu các nội dung sau:

+ Tên đầy đủ bằng tiếng Việt, tên viết tắt bằng tiếng Việt; địa chỉ trụ sở dự kiến (thông tin đến địa bàn cấp xã), nội dung hoạt động của chi nhánh, phòng giao dịch của tổ chức tài chính vi mô;

+ Cơ cấu tổ chức của chi nhánh, phòng giao dịch; dự kiến nhân sự chủ chốt (Giám đốc chi nhánh, Giám đốc phòng giao dịch, cán bộ kế toán và các chức danh chủ chốt khác theo quy định nội bộ của tổ chức tài chính vi mô);

+ Tên, địa chỉ trụ sở của chi nhánh dự kiến quản lý phòng giao dịch (đối với trường hợp thành lập phòng giao dịch);

+ Văn bản thỏa thuận hoặc Văn bản ghi nhớ giữa tổ chức tài chính vi mô và tổ chức chính trị - xã hội hoặc chính quyền địa phương về việc phối hợp cho vay thông qua tổ vay vốn;

+ Phương án kinh doanh dự kiến trong 03 năm đầu hoạt động, trong đó tối thiểu bao gồm:

(i) Phân tích môi trường kinh doanh (cơ hội, thách thức);

(ii) Đối tượng khách hàng và sản phẩm dự kiến cung cấp;

(iii) Dự kiến bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả kinh doanh, căn cứ xây dựng phương án và thuyết minh khả năng thực hiện phương án trong từng năm.

- Các tài liệu khác chứng minh việc đáp ứng các điều kiện thành lập chi nhánh, phòng giao dịch theo quy định.

1.4. Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

1.5. Thời hạn giải quyết: 50 ngày đối với đề nghị thành lập chi nhánh và 45 ngày đối với việc thành lập phòng giao dịch kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

1.6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức tài chính vi mô.

1.7. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

1.8. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản chấp thuận thành lập chi nhánh/phòng giao dịch.

1.9. Lệ phí: Không

1.10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Mẫu văn bản đề nghị chấp thuận thành lập chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của tổ chức tài chính vi mô (Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 19/2025/TT-NHNN)

1.11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

*** Điều kiện thành lập chi nhánh:**

- Tổ chức tài chính vi mô có thời gian hoạt động từ 12 tháng trở lên tính từ ngày khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị thành lập phải đảm bảo các điều kiện sau:

+ Có giá trị thực vốn điều lệ tại thời điểm 31 tháng 12 của năm trước liền kề năm đề nghị thành lập không thấp hơn mức vốn pháp định. Giá trị thực của vốn điều lệ được xác định trên cơ sở báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm trước liền kề năm đề nghị;

+ Hoạt động kinh doanh có lãi theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm trước liền kề năm đề nghị thành lập và theo báo cáo tài chính gần nhất tính đến thời điểm đề nghị;

+ Không bị cơ quan có thẩm quyền áp dụng biện pháp không cho mở rộng địa bàn hoạt động tại thời điểm đề nghị;

+ Tuân thủ các quy định về tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tài chính vi mô tại thời điểm báo cáo gần nhất tính đến thời điểm đề nghị;

+ Thực hiện đúng, đầy đủ các quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động theo quy định của pháp luật trong 03 tháng liên tiếp liền kề thời điểm đề nghị;

+ Tỷ lệ nợ xấu theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về việc phân loại tài sản có tại thời điểm 31 tháng 12 của năm trước liền kề năm đề nghị thành lập và tại ngày cuối cùng của tháng liền kề trước thời điểm đề nghị tối đa 03% hoặc một tỷ lệ khác theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ; và tỷ lệ nợ nhóm 5 so với tổng dư nợ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về việc phân loại tài sản có tại ngày cuối cùng của tháng liền kề trước thời điểm đề nghị tối đa 01% hoặc một tỷ lệ khác theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ;

+ Tỷ lệ vốn cấp 1 so với tổng tài sản tại thời điểm cuối tháng trước liền kề tháng đề nghị tối thiểu 10% hoặc một tỷ lệ khác theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ;

+ Tuân thủ quy định của pháp luật về số lượng và cơ cấu Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát; không bị khuyết Tổng giám đốc (Giám đốc) tại thời điểm đề nghị;

+ Có hệ thống kiểm soát nội bộ và bộ phận kiểm toán nội bộ bảo đảm tuân thủ Điều 57, Điều 58 Luật Các tổ chức tín dụng và các quy định có liên quan của pháp luật tại thời điểm đề nghị;

+ Không bị xử phạt vi phạm hành chính về tổ chức, quản trị, điều hành (trừ vi phạm quy định về quy định nội bộ); cho vay; tỷ lệ bảo đảm an toàn; phân loại tài sản có, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro theo quy định của pháp luật về xử

phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng trong thời hạn 12 tháng trở về trước tính từ thời điểm đề nghị;

+ Có Đề án thành lập đảm bảo các nội dung theo quy định;

+ Đảm bảo số lượng chi nhánh theo quy định;

+ Tại thời điểm đề nghị, các đơn vị thuộc mạng lưới của tổ chức tài chính vi mô được chấp thuận thành lập trong năm trước liền kề năm đề nghị đã khai trương hoạt động.

- Tổ chức tài chính vi mô có thời gian hoạt động dưới 12 tháng tính từ ngày khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị thành lập phải đảm bảo các điều kiện sau:

+ Có giá trị thực của vốn điều lệ tại tháng liền kề trước thời điểm đề nghị không thấp hơn mức vốn pháp định;

+ Hoạt động kinh doanh có lãi đến tháng liền kề trước thời điểm đề nghị;

+ Thực hiện đúng, đầy đủ các quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động theo quy định của pháp luật trong 03 tháng liên tiếp liền kề thời điểm đề nghị (trường hợp tổ chức tài chính vi mô có thời gian hoạt động trên 03 tháng) hoặc trong các tháng liền kề thời điểm đề nghị (trường hợp tổ chức tài chính vi mô có thời gian hoạt động dưới 03 tháng);

+ Tỷ lệ nợ xấu theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về việc phân loại tài sản có tại ngày cuối cùng của tháng liền kề trước thời điểm đề nghị tối đa 03% hoặc một tỷ lệ khác theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ; và tỷ lệ nợ nhóm 5 so với tổng dư nợ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về việc phân loại tài sản có tại ngày cuối cùng của tháng liền kề trước thời điểm đề nghị tối đa 01% hoặc một tỷ lệ khác theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ;

+ Không bị cơ quan có thẩm quyền áp dụng biện pháp không cho mở rộng địa bàn hoạt động tại thời điểm đề nghị;

+ Tuân thủ các quy định về tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tài chính vi mô tại thời điểm báo cáo gần nhất tính đến thời điểm đề nghị;

+ Tỷ lệ vốn cấp 1 so với tổng tài sản tại thời điểm cuối tháng trước liền kề tháng đề nghị tối thiểu 10% hoặc một tỷ lệ khác theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ;

+ Tuân thủ quy định của pháp luật về số lượng và cơ cấu Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát; không bị khuyết Tổng giám đốc (Giám đốc) tại thời điểm đề nghị;

+ Có hệ thống kiểm soát nội bộ và bộ phận kiểm toán nội bộ bảo đảm tuân thủ Điều 57, Điều 58 Luật Các tổ chức tín dụng và các quy định có liên quan của pháp luật tại thời điểm đề nghị;

+ Không bị xử phạt vi phạm hành chính về tổ chức, quản trị, điều hành (trừ vi phạm quy định về quy định nội bộ); cho vay; tỷ lệ bảo đảm an toàn; phân loại tài sản có, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng trong thời hạn 12 tháng trở về trước tính từ thời điểm đề nghị;

- + Có Đề án thành lập đảm bảo các nội dung theo quy định;
- + Đảm bảo số lượng chi nhánh theo quy định;
- + Tại thời điểm đề nghị, các đơn vị thuộc mạng lưới của tổ chức tài chính vi mô được chấp thuận thành lập trong năm trước liền kề năm đề nghị đã khai trương hoạt động.

*** Điều kiện thành lập phòng giao dịch**

- + Có giá trị thực vốn điều lệ tại thời điểm 31 tháng 12 của năm trước liền kề năm đề nghị thành lập không thấp hơn mức vốn pháp định. Giá trị thực của vốn điều lệ được xác định trên cơ sở báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm trước liền kề năm đề nghị;
- + Hoạt động kinh doanh có lãi theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm trước liền kề năm đề nghị thành lập và theo báo cáo tài chính gần nhất tính đến thời điểm đề nghị;
- + Không bị cơ quan có thẩm quyền áp dụng biện pháp không cho mở rộng địa bàn hoạt động tại thời điểm đề nghị;
- + Tuân thủ các quy định về tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tài chính vi mô tại thời điểm báo cáo gần nhất tính đến thời điểm đề nghị;
- + Thực hiện đúng, đầy đủ các quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động theo quy định của pháp luật trong 03 tháng liên tiếp liền kề thời điểm đề nghị;
- + Tỷ lệ nợ xấu theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về việc phân loại tài sản có tại thời điểm 31 tháng 12 của năm trước liền kề năm đề nghị thành lập và tại ngày cuối cùng của tháng liền kề trước thời điểm đề nghị tối đa 03% hoặc một tỷ lệ khác theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ; và tỷ lệ nợ nhóm 5 so với tổng dư nợ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về việc phân loại tài sản có tại ngày cuối cùng của tháng liền kề trước thời điểm đề nghị tối đa 01% hoặc một tỷ lệ khác theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ;
- + Tỷ lệ vốn cấp 1 so với tổng tài sản tại thời điểm cuối tháng trước liền kề tháng đề nghị tối thiểu 10% hoặc một tỷ lệ khác theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ;
- + Tuân thủ quy định của pháp luật về số lượng và cơ cấu Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát; không bị khuyết Tổng giám đốc (Giám đốc) tại thời điểm đề nghị;
- + Có hệ thống kiểm soát nội bộ và bộ phận kiểm toán nội bộ bảo đảm tuân thủ Điều 57, Điều 58 Luật Các tổ chức tín dụng và các quy định có liên quan của pháp luật tại thời điểm đề nghị;
- + Không bị xử phạt vi phạm hành chính về tổ chức, quản trị, điều hành (trừ vi phạm quy định về quy định nội bộ); cho vay; tỷ lệ bảo đảm an toàn; phân loại tài sản có, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng trong thời hạn 12 tháng trở về trước tính từ thời điểm đề nghị;

- + Có Đề án thành lập đảm bảo các nội dung theo quy định;
- + Tại thời điểm đề nghị, các đơn vị thuộc mạng lưới của tổ chức tài chính vi mô được chấp thuận thành lập trong năm trước liền kề năm đề nghị đã khai trương hoạt động.

- + Đáp ứng yêu cầu về số lượng phòng giao dịch được thành lập theo quy định.
- + Chi nhánh dự kiến quản lý phòng giao dịch phải đáp ứng các điều kiện sau:

(i) Có thời gian hoạt động tối thiểu 12 tháng tính từ ngày khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị;

(ii) Tỷ lệ nợ xấu theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về việc phân loại tài sản có tại thời điểm 31 tháng 12 của năm trước liền kề năm đề nghị thành lập và tại ngày cuối cùng của tháng liền kề trước thời điểm đề nghị tối đa 03% hoặc một tỷ lệ khác theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ; và tỷ lệ nợ nhóm 5 so với tổng dư nợ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về việc phân loại tài sản có tại ngày cuối cùng của tháng liền kề trước thời điểm đề nghị tối đa 01% hoặc một tỷ lệ khác theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ;

(iii) Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng bằng hình thức phạt tiền trong thời hạn 12 tháng trở về trước tính từ thời điểm đề nghị.

1.12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024;
 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng số 96/2025/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025;

- Thông tư số 19/2025/TT-NHNN ngày 31/7/2025 quy định về mạng lưới hoạt động của tổ chức tài chính vi mô.

Phụ lục

Mẫu văn bản đề nghị chấp thuận thành lập chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của tổ chức tài chính vi mô
(Ban hành kèm theo Thông tư số 19/2025/TT-NHNN ngày 31/7/2025 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước)

**TÊN TỔ CHỨC
TÀI CHÍNH VI MÔ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày tháng năm

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN THÀNH LẬP CHI NHÁNH/ PHÒNG GIAO DỊCH/VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN/ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CỦA TỔ CHỨC TÀI CHÍNH VI MÔ

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Tổ chức tài chính vi mô.....(tên tổ chức) đề nghị Ngân hàng Nhà nước chấp thuận thành lập chi nhánh/phòng giao dịch/văn phòng đại diện/đơn vị sự nghiệp như sau:

I. Đơn vị mạng lưới đề nghị thành lập

1. Thành lập chi nhánh:

1.1. Chi nhánh thứ nhất:

1.1.1. Tên chi nhánh:

a) Tên đầy đủ bằng tiếng Việt; tên viết tắt bằng tiếng Việt (nếu có).

b) Tên đầy đủ bằng tiếng Anh (nếu có); tên viết tắt bằng tiếng Anh (nếu có).

1.1.2. Địa điểm dự kiến đặt trụ sở chi nhánh (xã/phường/đặc khu trực thuộc tỉnh/thành phố; tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương).

1.1.3. Chi nhánh thuộc/không thuộc vùng nông thôn.

1.2. Chi nhánh thứ n: (nội dung khai tương tự chi nhánh thứ nhất)

2. Thành lập phòng giao dịch:

2.1. Phòng giao thứ nhất:

2.1.1. Tên phòng giao dịch:

a) Tên đầy đủ bằng tiếng Việt; tên viết tắt bằng tiếng Việt (nếu có).

b) Tên đầy đủ bằng tiếng Anh (nếu có); tên viết tắt bằng tiếng Anh (nếu có).

2.1.2. Địa điểm dự kiến đặt trụ sở phòng giao dịch (xã/phường/đặc khu trực thuộc tỉnh/thành phố; tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương).

2.1.3. Phòng giao dịch thuộc/không thuộc vùng nông thôn.

2.1.4 Tên, địa điểm đặt trụ sở chi nhánh dự kiến quản lý phòng giao dịch.

2.2. *Phòng giao dịch thứ n: (nội dung khai trương tự phòng giao dịch thứ nhất)*

3. Thành lập đơn vị sự nghiệp, văn phòng đại diện:

3.1. Tên đơn vị sự nghiệp, văn phòng đại diện.

3.2. Địa điểm đặt trụ sở đơn vị sự nghiệp, văn phòng đại diện.

II. Đánh giá việc tổ chức tài chính vi mô đáp ứng từng điều kiện để được thành lập chi nhánh/phòng giao dịch/văn phòng đại diện/đơn vị sự nghiệp:

A. Đối với điều kiện thành lập chi nhánh: (liệt kê các nội dung sau theo từng chi nhánh dự kiến thành lập)

1. Đối với tổ chức tài chính vi mô có thời gian hoạt động từ 12 tháng trở lên tính từ ngày khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị:

1.1. Có giá trị thực vốn điều lệ tại thời điểm 31 tháng 12 của năm trước liền kề năm đề nghị thành lập không thấp hơn mức vốn pháp định.

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

- Giá trị thực của vốn điều lệ tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm là.....

- Mức vốn pháp định quy định hiện hành đối với tổ chức tài chính vi mô:.....

1.2. Hoạt động kinh doanh có lãi theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm trước liền kề năm đề nghị thành lập và theo báo cáo tài chính gần nhất tính đến thời điểm đề nghị.

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

- Lợi nhuận sau thuế theo báo cáo tài chính năm.....đã được kiểm toán:.....

- Kết quả kinh doanh tại thời điểm.....là.....(trong đó nêu rõ thu nhập, chi phí).

1.3. Tại thời điểm đề nghị không bị cơ quan có thẩm quyền áp dụng biện pháp không cho mở rộng địa bàn hoạt động.

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

1.4. Tuân thủ các quy định về tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tài chính vi mô tại thời điểm báo cáo gần nhất tính đến thời điểm đề nghị.

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

1.5. Thực hiện đúng, đầy đủ các quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động theo quy định của pháp luật trong 03 tháng liên tiếp liền kề thời điểm đề nghị.

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

1.6. Tỷ lệ nợ xấu theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về việc phân loại tài sản có tại thời điểm 31 tháng 12 của năm trước liền kề năm đề nghị thành lập và tại ngày cuối cùng của tháng liền kề trước thời điểm đề nghị tối đa 03% hoặc một tỷ lệ khác theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ; và tỷ lệ nợ nhóm 5 so với tổng dư nợ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về việc phân loại tài sản có tại ngày cuối cùng của tháng liền kề trước thời điểm đề nghị tối đa 01% hoặc một tỷ lệ khác theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ.

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

- Tỷ lệ nợ xấu tại thời điểm 31 tháng 12 năm.....là....%

- Tỷ lệ nợ xấu tại thời điểm.....là.....%

- Tỷ lệ nợ nhóm 5 so với tổng dư nợ tại thời điểm.....là.....%.

1.7. Tỷ lệ vốn cấp 1 so với tổng tài sản tại thời điểm cuối tháng trước liền kề tháng đề nghị tối thiểu 10% hoặc một tỷ lệ khác theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ.

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

- Tỷ lệ vốn cấp 1 so với tổng tài sản tại thời điểm.....là.....%

- Tổng tài sản tại thời điểm.....là.....

- Vốn cấp 1 tại thời điểm.....là.....

1.8. Tuân thủ quy định của pháp luật về số lượng và cơ cấu Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát, không bị khuyết Tổng giám đốc (Giám đốc) tại thời điểm đề nghị.

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

- Hội đồng thành viên nhiệm kỳ:.....

STT	Họ và tên	Chức danh (Chủ tịch, thành viên)
1		
2		

...		
-----	--	--

- Ban kiểm soát nhiệm kỳ:...

STT	Họ và tên	Chức danh (Trưởng ban, thành viên)
1		
2		
...		

- Họ và tên Tổng giám đốc (Giám đốc):...

1.9. Có hệ thống kiểm soát nội bộ và bộ phận kiểm toán nội bộ bảo đảm tuân thủ Điều 57, Điều 58 Luật Các tổ chức tín dụng và các quy định có liên quan của pháp luật tại thời điểm đề nghị.

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

1.10. Không bị xử phạt vi phạm hành chính về tổ chức, quản trị, điều hành (trừ vi phạm quy định về quy định nội bộ); cho vay; tỷ lệ bảo đảm an toàn; phân loại tài sản có, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng trong thời hạn 12 tháng trở về trước tính từ thời điểm đề nghị.

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

1.11. Có Đề án thành lập theo quy định.

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

1.12. Đảm bảo quy định về số lượng chi nhánh được phép thành lập.

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

- Số lượng chi nhánh, phòng giao dịch hiện có:.....

- Số lượng chi nhánh đề nghị thành lập:.....

- Giá trị thực của vốn điều lệ được phản ánh trên sổ sách kế toán đến thời điểm ...là....

1.13. Tại thời điểm đề nghị, các đơn vị thuộc mạng lưới của tổ chức tài chính vi mô được chấp thuận thành lập trong năm trước liền kề năm đề nghị đã khai trương hoạt động.

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

2. Đối với tổ chức tài chính vi mô có thời gian hoạt động dưới 12 tháng kể từ ngày khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị:

2.1. Có giá trị thực của vốn điều lệ tại tháng liền kề trước thời điểm đề nghị không thấp hơn mức vốn pháp định.

a. Đảm bảo ☐ b. Không đảm bảo ☐

- Giá trị thực của vốn điều lệ tại thời điểm là.....

- Mức vốn pháp định quy định hiện hành đối với tổ chức tài chính vi mô:.....

2.2. Hoạt động kinh doanh có lãi đến tháng liền kề trước thời điểm đề nghị.

a. Đảm bảo ☐ b. Không đảm bảo ☐

Kết quả kinh doanh tại thời điểm..... là.....(trong đó nêu rõ thu nhập, chi phí).

2.3. Tại thời điểm đề nghị không bị cơ quan có thẩm quyền áp dụng biện pháp không cho mở rộng địa bàn hoạt động.

a. Đảm bảo ☐ b. Không đảm bảo ☐

2.4. Tuân thủ các quy định về tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tài chính vi mô liên tục trong các tháng trước tháng đề nghị.

a. Đảm bảo ☐ b. Không đảm bảo ☐

2.5. Thực hiện đúng, đầy đủ các quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động theo quy định của pháp luật trong 03 tháng liên tiếp liền kề thời điểm đề nghị (trường hợp tổ chức tài chính vi mô có thời gian hoạt động trên 03 tháng) hoặc trong các tháng liền kề thời điểm đề nghị (trường hợp tổ chức tài chính vi mô có thời gian hoạt động dưới 03 tháng).

a. Đảm bảo ☐ b. Không đảm bảo ☐

2.6. Tỷ lệ nợ xấu theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về việc phân loại tài sản có tại ngày cuối cùng của tháng liền kề trước thời điểm đề nghị tối đa 03% hoặc một tỷ lệ khác theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ; và tỷ lệ nợ nhóm 5 so với tổng dư nợ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về việc phân loại tài sản có tại ngày cuối cùng của tháng liền kề trước thời điểm đề nghị tối đa 01% hoặc một tỷ lệ khác theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ.

a. Đảm bảo ☐ b. Không đảm bảo ☐

- Tỷ lệ nợ xấu tại thời điểm.....là.....%.

- Tỷ lệ nợ nhóm 5 so với tổng dư nợ tại thời điểm.....là.....%

2.7. Tỷ lệ vốn cấp 1 so với tổng tài sản tại thời điểm cuối tháng trước liền kề tháng đề nghị tối thiểu 10% hoặc một tỷ lệ khác theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ.

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

- Tỷ lệ vốn cấp 1 so với tổng tài sản tại thời điểm.....là.....%

- Tổng tài sản tại thời điểm.....là.....

- Vốn cấp 1 tại thời điểm.....là.....

2.8. Tuân thủ quy định của pháp luật về số lượng và cơ cấu Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát, không bị khuyết Tổng giám đốc (Giám đốc) tại thời điểm đề nghị.

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

- Hội đồng thành viên nhiệm kỳ:.....

STT	Họ và tên	Chức danh (Chủ tịch, thành viên)
1		
2		
...		

- Ban kiểm soát nhiệm kỳ:...

STT	Họ và tên	Chức danh (Trưởng ban, thành viên)
1		
2		
...		

- Họ và tên Tổng giám đốc (Giám đốc):...

2.9. Có hệ thống kiểm soát nội bộ và bộ phận kiểm toán nội bộ bảo đảm tuân thủ Điều 57, Điều 58 Luật Các tổ chức tín dụng và các quy định có liên quan của pháp luật tại thời điểm đề nghị.

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

2.10. Không bị xử phạt vi phạm hành chính về tổ chức, quản trị, điều hành (trừ vi phạm quy định về quy định nội bộ); cho vay; tỷ lệ bảo đảm an toàn; phân loại tài sản có, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng trong thời hạn 12 tháng trở về trước tính từ thời điểm đề nghị.

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

2.11. Có Đề án thành lập theo quy định.

a. Đảm bảo ☐ b. Không đảm bảo ☐

2.12. Đảm bảo quy định về số lượng phòng giao dịch được phép thành lập.

a. Đảm bảo ☐ b. Không đảm bảo ☐

- Số lượng chi nhánh, phòng giao dịch hiện có:.....

- Số lượng chi nhánh đề nghị thành lập:.....

- Giá trị thực của vốn điều lệ được phản ánh trên sổ sách kế toán đến thời điểm ...là....

2.13. Tại thời điểm đề nghị, các đơn vị thuộc mạng lưới của tổ chức tài chính vi mô được chấp thuận thành lập trong năm trước liền kề năm đề nghị đã khai trương hoạt động (nếu có).

a. Đảm bảo ☐ b. Không đảm bảo ☐

B. Đối với điều kiện thành lập phòng giao dịch: (liệt kê các nội dung sau theo từng phòng giao dịch dự kiến thành lập)

1. Điều kiện thành lập phòng giao dịch:

1.1. Có giá trị thực vốn điều lệ tại thời điểm 31 tháng 12 của năm trước liền kề năm đề nghị thành lập không thấp hơn mức vốn pháp định.

a. Đảm bảo ☐ b. Không đảm bảo ☐

- Giá trị thực của vốn điều lệ tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm là.....

- Mức vốn pháp định quy định hiện hành đối với tổ chức tài chính vi mô:.....

1.2. Hoạt động kinh doanh có lãi theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm trước liền kề năm đề nghị thành lập và theo báo cáo tài chính gần nhất tính đến thời điểm đề nghị.

a. Đảm bảo ☐ b. Không đảm bảo ☐

- Lợi nhuận sau thuế theo báo cáo tài chính năm.....đã được kiểm toán:.....

- Kết quả kinh doanh tại thời điểm.....là.....(trong đó nêu rõ thu nhập, chi phí).

1.3. Tại thời điểm đề nghị không bị cơ quan có thẩm quyền áp dụng biện pháp không cho mở rộng địa bàn hoạt động.

a. Đảm bảo ☐ b. Không đảm bảo ☐

1.4. Tuân thủ các quy định về tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tài chính vi mô tại thời điểm báo cáo gần nhất tính đến thời điểm đề nghị.

a. Đảm bảo ☐b. Không đảm bảo ☐

1.5. Thực hiện đúng, đầy đủ các quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động theo quy định của pháp luật trong 03 tháng liên tiếp liền kề thời điểm đề nghị.

a. Đảm bảo ☐b. Không đảm bảo ☐

1.6. Tỷ lệ nợ xấu theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về việc phân loại tài sản có tại thời điểm 31 tháng 12 của năm trước liền kề năm đề nghị thành lập và tại ngày cuối cùng của tháng liền kề trước thời điểm đề nghị tối đa 03% hoặc một tỷ lệ khác theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ; và tỷ lệ nợ nhóm 5 so với tổng dư nợ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về việc phân loại tài sản có tại ngày cuối cùng của tháng liền kề trước thời điểm đề nghị tối đa 01% hoặc một tỷ lệ khác theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ.

a. Đảm bảo ☐b. Không đảm bảo ☐

- Tỷ lệ nợ xấu tại thời điểm 31 tháng 12 năm.....là....%

- Tỷ lệ nợ xấu tại thời điểm.....là.....%

- Tỷ lệ nợ nhóm 5 so với tổng dư nợ tại thời điểm.....là.....%

1.7. Tỷ lệ vốn cấp 1 so với tổng tài sản tại thời điểm cuối tháng trước liền kề tháng đề nghị tối thiểu 10% hoặc một tỷ lệ khác theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ

a. Đảm bảo ☐b. Không đảm bảo ☐

- Tỷ lệ vốn cấp 1 so với tổng tài sản tại thời điểm.....là.....%

- Tổng tài sản tại thời điểm.....là.....

- Vốn cấp 1 tại thời điểm.....là.....

1.8. Tuân thủ quy định của pháp luật về số lượng và cơ cấu Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát, không bị khuyết Tổng giám đốc (Giám đốc) tại thời điểm đề nghị

a. Đảm bảo ☐b. Không đảm bảo ☐

- Hội đồng thành viên nhiệm kỳ:.....

STT	Họ và tên	Chức danh (Chủ tịch, thành viên)
1		

2		
...		

- Ban kiểm soát nhiệm kỳ:...

STT	Họ và tên	Chức danh (Trưởng ban, thành viên)
1		
2		
...		

- Họ và tên Tổng giám đốc (Giám đốc):...

1.9. Có hệ thống kiểm soát nội bộ và bộ phận kiểm toán nội bộ bảo đảm tuân thủ Điều 57, Điều 58 Luật Các tổ chức tín dụng và các quy định có liên quan của pháp luật tại thời điểm đề nghị.

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

1.10. Không bị xử phạt vi phạm hành chính về tổ chức, quản trị, điều hành (trừ vi phạm quy định về quy định nội bộ); cho vay; tỷ lệ bảo đảm an toàn; phân loại tài sản có, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng trong thời hạn 12 tháng trở về trước tính từ thời điểm đề nghị.

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

1.11. Có Đề án thành lập theo quy định.

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

1.12. Đảm bảo quy định về số lượng phòng giao dịch được phép thành lập.

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

- Số lượng chi nhánh, phòng giao dịch hiện có:.....

- Số lượng phòng giao dịch đề nghị thành lập:.....

- Giá trị thực của vốn điều lệ được phản ánh trên sổ sách kế toán đến thời điểm ...là....

1.13. Tại thời điểm đề nghị, các đơn vị thuộc mạng lưới của tổ chức tài chính vi mô được chấp thuận thành lập trong năm trước liền kề năm đề nghị đã khai trương hoạt động.

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

2. Điều kiện đối với chi nhánh quản lý phòng giao dịch:

2.1. Có thời gian hoạt động tối thiểu 12 tháng tính từ ngày khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị.

a. Đảm bảo ☐ b. Không đảm bảo ☐

- Ngày khai trương hoạt động chi nhánh:.....

- Thời điểm đề nghị:

2.2. Tỷ lệ nợ xấu theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về việc phân loại tài sản có tại thời điểm 31 tháng 12 của năm trước liền kề năm đề nghị thành lập và tại ngày cuối cùng của tháng liền kề trước thời điểm đề nghị tối đa 03% hoặc một tỷ lệ khác theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ; và tỷ lệ nợ nhóm 5 so với tổng dư nợ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về việc phân loại tài sản có tại ngày cuối cùng của tháng liền kề trước thời điểm đề nghị tối đa 01% hoặc một tỷ lệ khác theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ.

a. Đảm bảo ☐ b. Không đảm bảo ☐

- Tỷ lệ nợ xấu tại thời điểm 31 tháng 12 năm...là....%

- Tỷ lệ nợ xấu tại thời điểm.....là.....%

- Tỷ lệ nợ nhóm 5 so với tổng dư nợ tại thời điểm.....là.....%

2.3 Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng bằng hình thức phạt tiền trong thời hạn 12 tháng trở về trước tính từ thời điểm đề nghị.

a. Đảm bảo ☐ b. Không đảm bảo ☐

2.4. Số lượng phòng giao dịch đang quản lý.

- Số lượng phòng giao dịch chi nhánh đang quản lý:....

- Số lượng phòng giao dịch dự kiến chi nhánh sẽ quản lý:

C. Điều kiện thành lập văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp:

1. Có thời gian hoạt động tối thiểu 12 tháng tính từ ngày khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị.

a. Đảm bảo ☐ b. Không đảm bảo ☐

2. Tại thời điểm đề nghị không bị cơ quan có thẩm quyền áp dụng biện pháp không cho mở rộng địa bàn hoạt động.

a. Đảm bảo ☐ b. Không đảm bảo ☐

3. Tuân thủ quy định của pháp luật về số lượng và cơ cấu Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát, không bị khuyết Tổng giám đốc (Giám đốc) tại thời điểm đề nghị.

a. Đảm bảo ☐b. Không đảm bảo ☐

- Hội đồng thành viên nhiệm kỳ:.....

STT	Họ và tên	Chức danh (Chủ tịch, thành viên)
1		
2		
...		

- Ban kiểm soát nhiệm kỳ:...

STT	Họ và tên	Chức danh (Trưởng ban, thành viên)
1		
2		
...		

- Họ và tên Tổng giám đốc (Giám đốc):...

4. Có hệ thống kiểm soát nội bộ và bộ phận kiểm toán nội bộ bảo đảm tuân thủ Điều 57, Điều 58 Luật Các tổ chức tín dụng và các quy định có liên quan của pháp luật tại thời điểm đề nghị.

a. Đảm bảo ☐b. Không đảm bảo ☐

5. Không bị xử phạt vi phạm hành chính về tổ chức, quản trị, điều hành (trừ vi phạm quy định về quy định nội bộ); cho vay; tỷ lệ bảo đảm an toàn; phân loại tài sản có, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng trong thời hạn 12 tháng trở về trước tính từ thời điểm đề nghị.

a. Đảm bảo ☐b. Không đảm bảo ☐

6. Có Đề án thành lập theo quy định.

a. Đảm bảo ☐b. Không đảm bảo ☐

III. Người đại diện hợp pháp của tổ chức tài chính vi mô cam kết:

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các thông tin, tài liệu cung cấp tại hồ sơ này.

- Kịp thời thông báo cho Ngân hàng Nhà nước về bất kỳ thay đổi nào liên quan đến việc đáp ứng điều kiện, hồ sơ theo quy định tại Thông tư này phát sinh trong thời gian Ngân hàng Nhà nước đang xem xét đề nghị của tổ chức tài chính vi mô.

Đính kèm hồ sơ

(Ghi danh mục tài liệu kèm theo)

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP
CỦA TỔ CHỨC TÀI CHÍNH VI MÔ**
(Ký, ghi rõ tên, chức danh và đóng dấu)

2. Thủ tục đề nghị chấp thuận thành lập văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của tổ chức tài chính vi mô (Mã TTHC 1.007771)

2.1 Trình tự thực hiện:

- **Bước 1.** Tổ chức tài chính vi mô lập 01 bộ hồ sơ gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

- **Bước 2.** Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ quy định, Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng có văn bản gửi tổ chức tài chính vi mô xác nhận đủ hồ sơ hợp lệ; trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và hợp lệ, Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng có văn bản yêu cầu tổ chức tài chính vi mô bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

Tổ chức tài chính vi mô bổ sung, hoàn thiện hồ sơ trong thời hạn tối đa 60 ngày kể từ ngày Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng có văn bản yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Quá thời hạn này mà không bổ sung, hoàn thiện hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, tổ chức tài chính vi mô phải gửi lại hồ sơ theo quy định để Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng xem xét, chấp thuận.

- **Bước 3.** Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng có văn bản lấy ý kiến Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi tổ chức tài chính vi mô dự kiến đặt trụ sở phòng giao dịch về:

- a) Sự cần thiết thành lập hoặc thành lập thêm phòng giao dịch;
- b) Các địa bàn dự kiến mở phòng giao dịch;
- c) Việc đáp ứng các điều kiện theo quy định đối với chi nhánh dự kiến quản lý phòng giao dịch trên địa bàn.

Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản của Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực có ý kiến tham gia bằng văn bản về các nội dung được đề nghị.

- **Bước 4.** Trong thời hạn 35 ngày kể từ ngày xác nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng có văn bản chấp thuận đề nghị thành văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của tổ chức tài chính vi mô. Trường hợp không chấp thuận, Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

2.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia hoặc Cổng Dịch vụ công Ngân hàng Nhà nước (nếu có).

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước;

- Gửi qua dịch vụ bưu chính.

2.3. Thành phần hồ sơ:

- Văn bản của tổ chức tài chính vi mô đề nghị Ngân hàng Nhà nước chấp thuận thành lập văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của tổ chức tài chính vi mô.

- Nghị quyết hoặc Quyết định của Hội đồng thành viên về việc thành lập văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp.

- Đề án thành lập văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của tổ chức tài chính vi mô, trong đó phải có tối thiểu các nội dung sau:

+ Tên đầy đủ bằng tiếng Việt, tên viết tắt bằng tiếng Việt; địa chỉ trụ sở dự kiến, nội dung hoạt động của văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của tổ chức tài chính vi mô;

+ Lý do thành lập;

+ Dự kiến nhân sự chủ chốt (Người đứng đầu văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp, cán bộ kế toán và các chức danh chủ chốt khác theo quy định nội bộ của tổ chức tài chính vi mô);

+ Kế hoạch hoạt động dự kiến trong năm đầu hoạt động.

- Các tài liệu khác chứng minh việc đáp ứng các điều kiện thành lập văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp theo quy định.

2.4. Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

2.5. Thời hạn giải quyết: 35 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

2.6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức tài chính vi mô.

2.7. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng).

2.8. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản chấp thuận đề nghị thành lập văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của tổ chức tài chính vi mô.

2.9. Lệ phí: Không

2.10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Mẫu văn bản đề nghị chấp thuận thành lập chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của tổ chức tài chính vi mô (Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 19/2025/TT-NHNN)

2.11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Có thời gian hoạt động từ 12 tháng trở lên tính từ ngày khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị.

- Không bị cơ quan có thẩm quyền áp dụng biện pháp không cho mở rộng địa bàn hoạt động tại thời điểm đề nghị;

- Tỷ lệ vốn cấp 1 so với tổng tài sản tại thời điểm cuối tháng trước liền kề tháng đề nghị tối thiểu 10% hoặc một tỷ lệ khác theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ;

- Tuân thủ quy định của pháp luật về số lượng và cơ cấu Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát; không bị khuyết Tổng giám đốc (Giám đốc) tại thời điểm đề nghị;

- Có hệ thống kiểm soát nội bộ và bộ phận kiểm toán nội bộ bảo đảm tuân thủ Điều 57, Điều 58 Luật Các tổ chức tín dụng và các quy định có liên quan của pháp luật tại thời điểm đề nghị;

- Có Đề án thành lập đảm bảo các nội dung theo quy định tại khoản 4 Điều 14 Thông tư 19/2025/TT-NHNN

2.12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng số 96/2025/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025;

- Thông tư số 19/2025/TT-NHNN ngày 31/7/2025 quy định về mạng lưới hoạt động của tổ chức tài chính vi mô.

Phụ lục

**Mẫu văn bản đề nghị chấp thuận thành lập chi nhánh, phòng giao dịch,
văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của tổ chức tài chính vi mô**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 19/2025/TT-NHNN ngày 31/7/2025
của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước)

**TÊN TỔ CHỨC
TÀI CHÍNH VI MÔ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày tháng năm

**VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN THÀNH LẬP CHI NHÁNH/ PHÒNG
GIAO DỊCH/VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN/ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CỦA TỔ
CHỨC TÀI CHÍNH VI MÔ**

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Tổ chức tài chính vi mô.....(tên tổ chức) đề nghị Ngân hàng Nhà nước chấp thuận thành lập chi nhánh/phòng giao dịch/văn phòng đại diện/đơn vị sự nghiệp như sau:

I. Đơn vị mạng lưới đề nghị thành lập

1. Thành lập chi nhánh:

1.1. Chi nhánh thứ nhất:

1.1.1. Tên chi nhánh:

a) Tên đầy đủ bằng tiếng Việt; tên viết tắt bằng tiếng Việt (nếu có).

b) Tên đầy đủ bằng tiếng Anh (nếu có); tên viết tắt bằng tiếng Anh (nếu có).

1.1.2. Địa điểm dự kiến đặt trụ sở chi nhánh (xã/phường/đặc khu trực thuộc tỉnh/thành phố; tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương).

1.1.3. Chi nhánh thuộc/không thuộc vùng nông thôn.

1.2. Chi nhánh thứ n: (nội dung khai tương tự chi nhánh thứ nhất)

2. Thành lập phòng giao dịch:

2.1. Phòng giao thứ nhất:

2.1.1. Tên phòng giao dịch:

a) Tên đầy đủ bằng tiếng Việt; tên viết tắt bằng tiếng Việt (nếu có).

b) Tên đầy đủ bằng tiếng Anh (nếu có); tên viết tắt bằng tiếng Anh (nếu có).

2.1.2. Địa điểm dự kiến đặt trụ sở phòng giao dịch (xã/phường/đặc khu trực thuộc tỉnh/thành phố; tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương).

2.1.3. Phòng giao dịch thuộc/không thuộc vùng nông thôn.

2.1.4 Tên, địa điểm đặt trụ sở chi nhánh dự kiến quản lý phòng giao dịch.

2.2. *Phòng giao dịch thứ n: (nội dung khai trương tự phòng giao dịch thứ nhất)*

3. Thành lập đơn vị sự nghiệp, văn phòng đại diện:

3.1. Tên đơn vị sự nghiệp, văn phòng đại diện.

3.2. Địa điểm đặt trụ sở đơn vị sự nghiệp, văn phòng đại diện.

II. Đánh giá việc tổ chức tài chính vi mô đáp ứng từng điều kiện để được thành lập chi nhánh/phòng giao dịch/văn phòng đại diện/đơn vị sự nghiệp:

A. Đối với điều kiện thành lập chi nhánh:

1. Đối với tổ chức tài chính vi mô có thời gian hoạt động từ 12 tháng trở lên tính từ ngày khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị:

1.1. Có giá trị thực vốn điều lệ tại thời điểm 31 tháng 12 của năm trước liền kề năm đề nghị thành lập không thấp hơn mức vốn pháp định.

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

- Giá trị thực của vốn điều lệ tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm là.....

- Mức vốn pháp định quy định hiện hành đối với tổ chức tài chính vi mô:.....

1.2. Hoạt động kinh doanh có lãi theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm trước liền kề năm đề nghị thành lập và theo báo cáo tài chính gần nhất tính đến thời điểm đề nghị.

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

- Lợi nhuận sau thuế theo báo cáo tài chính năm.....đã được kiểm toán:.....

- Kết quả kinh doanh tại thời điểm.....là.....(trong đó nêu rõ thu nhập, chi phí).

1.3. Tại thời điểm đề nghị không bị cơ quan có thẩm quyền áp dụng biện pháp không cho mở rộng địa bàn hoạt động.

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

1.4. Tuân thủ các quy định về tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tài chính vi mô tại thời điểm báo cáo gần nhất tính đến thời điểm đề nghị.

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

1.5. Thực hiện đúng, đầy đủ các quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động theo quy định của pháp luật trong 03 tháng liên tiếp liền kề thời điểm đề nghị.

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

1.6. Tỷ lệ nợ xấu theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về việc phân loại tài sản có tại thời điểm 31 tháng 12 của năm trước liền kề năm đề nghị thành lập và tại ngày cuối cùng của tháng liền kề trước thời điểm đề nghị tối đa 03% hoặc một tỷ lệ khác theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ; và tỷ lệ nợ nhóm 5 so với tổng dư nợ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về việc phân loại tài sản có tại ngày cuối cùng của tháng liền kề trước thời điểm đề nghị tối đa 01% hoặc một tỷ lệ khác theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ.

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

- Tỷ lệ nợ xấu tại thời điểm 31 tháng 12 năm.....là....%

- Tỷ lệ nợ xấu tại thời điểm.....là.....%

- Tỷ lệ nợ nhóm 5 so với tổng dư nợ tại thời điểm.....là.....%.

1.7. Tỷ lệ vốn cấp 1 so với tổng tài sản tại thời điểm cuối tháng trước liền kề tháng đề nghị tối thiểu 10% hoặc một tỷ lệ khác theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ.

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

- Tỷ lệ vốn cấp 1 so với tổng tài sản tại thời điểm.....là.....%

- Tổng tài sản tại thời điểm.....là.....

- Vốn cấp 1 tại thời điểm.....là.....

1.8. Tuân thủ quy định của pháp luật về số lượng và cơ cấu Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát, không bị khuyết Tổng giám đốc (Giám đốc) tại thời điểm đề nghị.

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

- Hội đồng thành viên nhiệm kỳ:.....

STT	Họ và tên	Chức danh (Chủ tịch, thành viên)
1		
2		

...		
-----	--	--

- Ban kiểm soát nhiệm kỳ:...

STT	Họ và tên	Chức danh (Trưởng ban, thành viên)
1		
2		
...		

- Họ và tên Tổng giám đốc (Giám đốc):...

1.9. Có hệ thống kiểm soát nội bộ và bộ phận kiểm toán nội bộ bảo đảm tuân thủ Điều 57, Điều 58 Luật Các tổ chức tín dụng và các quy định có liên quan của pháp luật tại thời điểm đề nghị.

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

1.10. Không bị xử phạt vi phạm hành chính về tổ chức, quản trị, điều hành (trừ vi phạm quy định về quy định nội bộ); cho vay; tỷ lệ bảo đảm an toàn; phân loại tài sản có, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng trong thời hạn 12 tháng trở về trước tính từ thời điểm đề nghị.

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

1.11. Có Đề án thành lập theo quy định.

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

1.12. Đảm bảo quy định về số lượng chi nhánh được phép thành lập.

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

- Số lượng chi nhánh, phòng giao dịch hiện có:.....

- Số lượng chi nhánh đề nghị thành lập:.....

- Giá trị thực của vốn điều lệ được phản ánh trên sổ sách kế toán đến thời điểm ...là....

1.13. Tại thời điểm đề nghị, các đơn vị thuộc mạng lưới của tổ chức tài chính vi mô được chấp thuận thành lập trong năm trước liền kề năm đề nghị đã khai trương hoạt động.

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

2. Đối với tổ chức tài chính vi mô có thời gian hoạt động dưới 12 tháng kể từ ngày khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị:

2.1. Có giá trị thực của vốn điều lệ tại tháng liền kề trước thời điểm đề nghị không thấp hơn mức vốn pháp định.

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

- Giá trị thực của vốn điều lệ tại thời điểm là.....

- Mức vốn pháp định quy định hiện hành đối với tổ chức tài chính vi mô:.....

2.2. Hoạt động kinh doanh có lãi đến tháng liền kề trước thời điểm đề nghị.

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

Kết quả kinh doanh tại thời điểm..... là.....(trong đó nêu rõ thu nhập, chi phí).

2.3. Tại thời điểm đề nghị không bị cơ quan có thẩm quyền áp dụng biện pháp không cho mở rộng địa bàn hoạt động.

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

2.4. Tuân thủ các quy định về tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tài chính vi mô liên tục trong các tháng trước tháng đề nghị.

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

2.5. Thực hiện đúng, đầy đủ các quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động theo quy định của pháp luật trong 03 tháng liên tiếp liền kề thời điểm đề nghị (trường hợp tổ chức tài chính vi mô có thời gian hoạt động trên 03 tháng) hoặc trong các tháng liền kề thời điểm đề nghị (trường hợp tổ chức tài chính vi mô có thời gian hoạt động dưới 03 tháng).

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

2.6. Tỷ lệ nợ xấu theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về việc phân loại tài sản có tại ngày cuối cùng của tháng liền kề trước thời điểm đề nghị tối đa 03% hoặc một tỷ lệ khác theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ; và tỷ lệ nợ nhóm 5 so với tổng dư nợ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về việc phân loại tài sản có tại ngày cuối cùng của tháng liền kề trước thời điểm đề nghị tối đa 01% hoặc một tỷ lệ khác theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ.

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

- Tỷ lệ nợ xấu tại thời điểm.....là.....%.

- Tỷ lệ nợ nhóm 5 so với tổng dư nợ tại thời điểm.....là.....%

2.7. Tỷ lệ vốn cấp 1 so với tổng tài sản tại thời điểm cuối tháng trước liền kề tháng đề nghị tối thiểu 10% hoặc một tỷ lệ khác theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ.

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

- Tỷ lệ vốn cấp 1 so với tổng tài sản tại thời điểm.....là.....%

- Tổng tài sản tại thời điểm.....là.....

- Vốn cấp 1 tại thời điểm.....là.....

2.8. Tuân thủ quy định của pháp luật về số lượng và cơ cấu Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát, không bị khuyết Tổng giám đốc (Giám đốc) tại thời điểm đề nghị.

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

- Hội đồng thành viên nhiệm kỳ:.....

STT	Họ và tên	Chức danh (Chủ tịch, thành viên)
1		
2		
...		

- Ban kiểm soát nhiệm kỳ:...

STT	Họ và tên	Chức danh (Trưởng ban, thành viên)
1		
2		
...		

- Họ và tên Tổng giám đốc (Giám đốc):...

2.9. Có hệ thống kiểm soát nội bộ và bộ phận kiểm toán nội bộ bảo đảm tuân thủ Điều 57, Điều 58 Luật Các tổ chức tín dụng và các quy định có liên quan của pháp luật tại thời điểm đề nghị.

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

2.10. Không bị xử phạt vi phạm hành chính về tổ chức, quản trị, điều hành (trừ vi phạm quy định về quy định nội bộ); cho vay; tỷ lệ bảo đảm an toàn; phân loại tài sản có, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng trong thời hạn 12 tháng trở về trước tính từ thời điểm đề nghị.

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

2.11. Có Đề án thành lập theo quy định.

- a. Đảm bảo ☐ b. Không đảm bảo ☐

2.12. Đảm bảo quy định về số lượng phòng giao dịch được phép thành lập.

- a. Đảm bảo ☐ b. Không đảm bảo ☐

- Số lượng chi nhánh, phòng giao dịch hiện có:.....

- Số lượng chi nhánh đề nghị thành lập:.....

- Giá trị thực của vốn điều lệ được phản ánh trên sổ sách kế toán đến thời điểm ...là....

2.13. Tại thời điểm đề nghị, các đơn vị thuộc mạng lưới của tổ chức tài chính vi mô được chấp thuận thành lập trong năm trước liền kề năm đề nghị đã khai trương hoạt động (nếu có).

- a. Đảm bảo ☐ b. Không đảm bảo ☐

B. Đối với điều kiện thành lập phòng giao dịch:

1. Điều kiện thành lập phòng giao dịch:

1.1. Có giá trị thực vốn điều lệ tại thời điểm 31 tháng 12 của năm trước liền kề năm đề nghị thành lập không thấp hơn mức vốn pháp định.

- a. Đảm bảo ☐ b. Không đảm bảo ☐

- Giá trị thực của vốn điều lệ tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm là.....

- Mức vốn pháp định quy định hiện hành đối với tổ chức tài chính vi mô:.....

1.2. Hoạt động kinh doanh có lãi theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm trước liền kề năm đề nghị thành lập và theo báo cáo tài chính gần nhất tính đến thời điểm đề nghị.

- a. Đảm bảo ☐ b. Không đảm bảo ☐

- Lợi nhuận sau thuế theo báo cáo tài chính năm.....đã được kiểm toán:.....

- Kết quả kinh doanh tại thời điểm.....là.....(trong đó nêu rõ thu nhập, chi phí).

1.3. Tại thời điểm đề nghị không bị cơ quan có thẩm quyền áp dụng biện pháp không cho mở rộng địa bàn hoạt động.

- a. Đảm bảo ☐ b. Không đảm bảo ☐

1.4. Tuân thủ các quy định về tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tài chính vi mô tại thời điểm báo cáo gần nhất tính đến thời điểm đề nghị.

- a. Đảm bảo ☐ b. Không đảm bảo ☐

1.5. Thực hiện đúng, đầy đủ các quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động theo quy định của pháp luật trong 03 tháng liên tiếp liền kề thời điểm đề nghị.

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

1.6. Tỷ lệ nợ xấu theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về việc phân loại tài sản có tại thời điểm 31 tháng 12 của năm trước liền kề năm đề nghị thành lập và tại ngày cuối cùng của tháng liền kề trước thời điểm đề nghị tối đa 03% hoặc một tỷ lệ khác theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ; và tỷ lệ nợ nhóm 5 so với tổng dư nợ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về việc phân loại tài sản có tại ngày cuối cùng của tháng liền kề trước thời điểm đề nghị tối đa 01% hoặc một tỷ lệ khác theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ.

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

- Tỷ lệ nợ xấu tại thời điểm 31 tháng 12 năm.....là....%

- Tỷ lệ nợ xấu tại thời điểm.....là.....%

- Tỷ lệ nợ nhóm 5 so với tổng dư nợ tại thời điểm.....là.....%

1.7. Tỷ lệ vốn cấp 1 so với tổng tài sản tại thời điểm cuối tháng trước liền kề tháng đề nghị tối thiểu 10% hoặc một tỷ lệ khác theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

- Tỷ lệ vốn cấp 1 so với tổng tài sản tại thời điểm.....là.....%

- Tổng tài sản tại thời điểm.....là.....

- Vốn cấp 1 tại thời điểm.....là.....

1.8. Tuân thủ quy định của pháp luật về số lượng và cơ cấu Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát, không bị khuyết Tổng giám đốc (Giám đốc) tại thời điểm đề nghị

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

- Hội đồng thành viên nhiệm kỳ:.....

STT	Họ và tên	Chức danh (Chủ tịch, thành viên)
1		

2		
...		

- Ban kiểm soát nhiệm kỳ:...

STT	Họ và tên	Chức danh (Trưởng ban, thành viên)
1		
2		
...		

- Họ và tên Tổng giám đốc (Giám đốc):...

1.9. Có hệ thống kiểm soát nội bộ và bộ phận kiểm toán nội bộ bảo đảm tuân thủ Điều 57, Điều 58 Luật Các tổ chức tín dụng và các quy định có liên quan của pháp luật tại thời điểm đề nghị.

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

1.10. Không bị xử phạt vi phạm hành chính về tổ chức, quản trị, điều hành (trừ vi phạm quy định về quy định nội bộ); cho vay; tỷ lệ bảo đảm an toàn; phân loại tài sản có, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng trong thời hạn 12 tháng trở về trước tính từ thời điểm đề nghị.

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

1.11. Có Đề án thành lập theo quy định.

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

1.12. Đảm bảo quy định về số lượng phòng giao dịch được phép thành lập.

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

- Số lượng chi nhánh, phòng giao dịch hiện có:.....

- Số lượng phòng giao dịch đề nghị thành lập:.....

- Giá trị thực của vốn điều lệ được phản ánh trên sổ sách kế toán đến thời điểm ...là....

1.13. Tại thời điểm đề nghị, các đơn vị thuộc mạng lưới của tổ chức tài chính vi mô được chấp thuận thành lập trong năm trước liền kề năm đề nghị đã khai trương hoạt động.

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

2. Điều kiện đối với chi nhánh quản lý phòng giao dịch:

2.1. Có thời gian hoạt động tối thiểu 12 tháng tính từ ngày khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị.

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

- Ngày khai trương hoạt động chi nhánh:.....

- Thời điểm đề nghị:

2.2. Tỷ lệ nợ xấu theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về việc phân loại tài sản có tại thời điểm 31 tháng 12 của năm trước liền kề năm đề nghị thành lập và tại ngày cuối cùng của tháng liền kề trước thời điểm đề nghị tối đa 03% hoặc một tỷ lệ khác theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ; và tỷ lệ nợ nhóm 5 so với tổng dư nợ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về việc phân loại tài sản có tại ngày cuối cùng của tháng liền kề trước thời điểm đề nghị tối đa 01% hoặc một tỷ lệ khác theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ.

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

- Tỷ lệ nợ xấu tại thời điểm 31 tháng 12 năm...là....%

- Tỷ lệ nợ xấu tại thời điểm.....là.....%

- Tỷ lệ nợ nhóm 5 so với tổng dư nợ tại thời điểm.....là.....%

2.3 Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng bằng hình thức phạt tiền trong thời hạn 12 tháng trở về trước tính từ thời điểm đề nghị.

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

2.4. Số lượng phòng giao dịch đang quản lý.

- Số lượng phòng giao dịch chi nhánh đang quản lý:....

- Số lượng phòng giao dịch dự kiến chi nhánh sẽ quản lý:

C. Điều kiện thành lập văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp:

1. Có thời gian hoạt động tối thiểu 12 tháng tính từ ngày khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị.

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

2. Tại thời điểm đề nghị không bị cơ quan có thẩm quyền áp dụng biện pháp không cho mở rộng địa bàn hoạt động.

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

3. Tuân thủ quy định của pháp luật về số lượng và cơ cấu Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát, không bị khuyết Tổng giám đốc (Giám đốc) tại thời điểm đề nghị.

a. Đảm bảo ☐b. Không đảm bảo ☐

- Hội đồng thành viên nhiệm kỳ:.....

STT	Họ và tên	Chức danh (Chủ tịch, thành viên)
1		
2		
...		

- Ban kiểm soát nhiệm kỳ:...

STT	Họ và tên	Chức danh (Trưởng ban, thành viên)
1		
2		
...		

- Họ và tên Tổng giám đốc (Giám đốc):...

4. Có hệ thống kiểm soát nội bộ và bộ phận kiểm toán nội bộ bảo đảm tuân thủ Điều 57, Điều 58 Luật Các tổ chức tín dụng và các quy định có liên quan của pháp luật tại thời điểm đề nghị.

a. Đảm bảo ☐b. Không đảm bảo ☐

5. Không bị xử phạt vi phạm hành chính về tổ chức, quản trị, điều hành (trừ vi phạm quy định về quy định nội bộ); cho vay; tỷ lệ bảo đảm an toàn; phân loại tài sản có, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng trong thời hạn 12 tháng trở về trước tính từ thời điểm đề nghị.

a. Đảm bảo ☐b. Không đảm bảo ☐

6. Có Đề án thành lập theo quy định.

a. Đảm bảo ☐b. Không đảm bảo ☐

III. Người đại diện hợp pháp của tổ chức tài chính vi mô cam kết:

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các thông tin, tài liệu cung cấp tại hồ sơ này.

- Kịp thời thông báo cho Ngân hàng Nhà nước về bất kỳ thay đổi nào liên quan đến việc đáp ứng điều kiện, hồ sơ theo quy định tại Thông tư này phát sinh trong thời gian Ngân hàng Nhà nước đang xem xét đề nghị của tổ chức tài chính vi mô.

Đính kèm hồ sơ

(Ghi danh mục tài liệu kèm theo)

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP
CỦA TỔ CHỨC TÀI CHÍNH VI MÔ**
(Ký, ghi rõ tên, chức danh và đóng dấu)

B. Thủ tục hành chính thực hiện tại Ngân hàng Nhà nước Khu vực

1. Thủ tục tự nguyện chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch của tổ chức tài chính vi mô (Mã TTHC 1.001986)

1.1. Trình tự thực hiện:

Bước 1. Tổ chức tài chính vi mô lập 01 bộ hồ sơ theo quy định gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch;

Bước 2. Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực có văn bản chấp thuận đề nghị của tổ chức tài chính vi mô. Trường hợp không chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Bước 3. Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày có văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực về việc chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch, tổ chức tài chính vi mô phải tiến hành các thủ tục pháp lý theo quy định của pháp luật để chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch và có văn bản báo cáo Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực về kết quả thực hiện và ngày chấm dứt hoạt động, giải thể.

1.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia hoặc Cổng Dịch vụ công Ngân hàng Nhà nước (nếu có).
- Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực;
- Gửi qua dịch vụ bưu chính.

1.3. Thành phần hồ sơ:

- Văn bản của tổ chức tài chính vi mô đề nghị chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch, trong đó nêu rõ: lý do chấm dứt hoạt động, giải thể; tên, địa chỉ của chi nhánh, phòng giao dịch chấm dứt hoạt động, giải thể và cam kết giải quyết các tài sản, quyền, nghĩa vụ và các lợi ích liên quan của chi nhánh, phòng giao dịch chấm dứt hoạt động, giải thể;

- Nghị quyết hoặc Quyết định của Hội đồng thành viên tổ chức tài chính vi mô về việc chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch;

- Phương án giải quyết các tài sản, quyền, nghĩa vụ và các lợi ích liên quan của chi nhánh, phòng giao dịch chấm dứt hoạt động, giải thể.

1.4. Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

1.5. Thời hạn giải quyết: 45 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

1.6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức tài chính vi mô.

1.7. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực.

1.8. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản chấp thuận chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch.

1.9. Lệ phí: Không

1.10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

1.11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

1.12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng số 96/2025/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025;

- Thông tư số 19/2025/TT-NHNN ngày 31/7/2025 quy định về mạng lưới hoạt động của tổ chức tài chính vi mô.

2. Thủ tục thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch của tổ chức tài chính vi mô (Mã TTHC 1.007794)

2.1. Trình tự thực hiện:

Bước 1. Tổ chức tài chính vi mô lập 01 bộ hồ sơ theo quy định gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực có văn bản yêu cầu tổ chức tài chính vi mô bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

Tổ chức tài chính vi mô bổ sung, hoàn thiện hồ sơ trong thời hạn tối đa 30 ngày kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực có văn bản yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Quá thời hạn này mà không bổ sung, hoàn thiện hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, tổ chức tài chính vi mô phải gửi lại hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Điều này để Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực xem xét, chấp thuận;

Bước 2. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực có văn bản chấp thuận việc thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch. Trường hợp không chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

2.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia hoặc Cổng Dịch vụ công Ngân hàng Nhà nước (nếu có).
- Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực.
- Gửi qua dịch vụ bưu chính.

2.3. Thành phần hồ sơ:

- Văn bản của tổ chức tài chính vi mô đề nghị chấp thuận thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch, trong đó tối thiểu bao gồm các nội dung: địa điểm hiện tại, địa điểm dự kiến chuyển đến, lý do chuyển địa điểm, kế hoạch chuyển trụ sở để đảm bảo tính liên tục trong hoạt động;
- Nghị quyết hoặc Quyết định của Hội đồng thành viên về việc thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch.

2.4. Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

2.5. Thời hạn giải quyết: 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

2.6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức tài chính vi mô.

2.7. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực.

2.8. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản chấp thuận thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch.

2.9. Lệ phí: Không

2.10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

2.11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

2.12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng số 96/2025/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025;

- Thông tư số 19/2025/TT-NHNN ngày 31/7/2025 quy định về mạng lưới hoạt động của tổ chức tài chính vi mô.